TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19/2017/HNGĐ- ST *Ngày:29/12 /2017* (v/v:Tranh chấp hôn nhân gia đình)	**********

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc

- Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Duy Quyết - Cán bộ hưu trí xã G, huyện G.

Ông Đinh Công Hiến - Cán bộ hưu trí thị trấn M, huyện G.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Hồng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đ-ưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1973 - Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã L, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Ông Đinh Duy P, sinh năm 1971. Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị Y trình bầy: Bà và ông Đinh Duy P được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống cùng với bố mẹ ông P tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N. Hai vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người có quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Cũng trong năm 2012, mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm nên bà Y đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 1, xã L, huyện G, tỉnh N sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng ly thân hoàn toàn, hai vợ chồng không gặp gỡ hay liên lạc gì. Hiện nay, bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đinh Duy P.

Về con chung bà Y trình bày: Bà và ông P có 03 con chung đó là: Con lớn nhất tên là Đinh Thị P, sinh ngày 27/10/1993. Hiện nay chị P đã có gia đình riêng; con thứ 2 tên là Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 28/02/2006; con thứ 3 tên là Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 01/02/2009. Kể từ khi ly thân đến nay, hai cháu nhỏ đang ở với bà Yến. Khi ly hôn bà Yến yêu cầu được nuôi cả hai con nhỏ, không yêu cầu ông Phán phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Y trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2017 mà ông Đinh Duy P đã giao nộp cho Tòa án ông P trình bày: Việc kết hôn giữa ông và bà Bùi Thị Y đúng như bà Y trình bày nêu trên. Về quá trình chung sống, ông P cho rằng vợ chồng ông bà sống cùng với bố mẹ ông Phán tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N một thời gian dài thì vợ chồng chuyển vào sinh sống ở trong Miền Nam, Vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn như bà Y trình

bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có quan điểm sống và cách sống trái ngược nhau. Cũng trong năm 2012, bà Y đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 1, xã L, huyện G, tỉnh N sinh sống là đúng, còn ông Phán vẫn ở Miền Nam làm ăn mãi năm 2015 mới về quê nhưng vợ chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn nên không chung sống cùng nhau, ông Phán ở cùng mẹ đẻ tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N. Ông P xác định đã xuống tìm bà Y về để vợ chồng đoàn tụ xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Nhưng do vợ chồng sống ly thân đã lâu mâu thuẫn vợ chồng lại trầm trọng và không hòa giải được nên bà Y không về. Hiện nay, ông P thừa nhận tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng khó có thể duy trì cuộc sống chung. Ông P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên vẫn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ để vợ chồng nuôi dậy con chung. Tuy nhiên nếu bà Y kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung, các thông tin liên quan đến con chung ông P thừa nhận bà Y trình bày như nêu trên là đúng. Do bản thân sức khỏe yếu, không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên khi ly hôn ông P đồng ý để cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Đinh Thị Ngọc L và Đinh Thị Ngọc L cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và ông P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông P cũng trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp, hợp lệ các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P chỉ lên Tòa giao nộp bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, còn tại các buổi làm việc do Tòa án ấn định thì ông P cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận về quá trình chung sống như ông P đã khai nêu trên là đúng, năm 2012 khi bà và các con trở về quê ở xóm 1, xã Ln, huyện G sinh sống còn có thêm nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn

phát triển kinh tế, bất đồng trong việc lựa chọn nơi sinh sống, các vấn đề khác nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Y và ông Đinh Duy P là hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Hai người dù có lúc sống ở thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N, có khi sống ở Miền Nam nhưng đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận hạnh phúc sau đó đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống không hợp nhau, trái ngược nhau, đồng thời một phần do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế, bất đồng trong việc lựa chọn nơi sinh sống. Vì thế năm 2012 bà Y đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 1, xã L, huyện G, tỉnh N để sinh sống. Bản thân ông P cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ năm 2012 đến nay, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, khó có khả năng tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Ông P tuy xác định tình cảm vẫn còn, không mong muốn ly hôn nhưng lại không lên Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải do Toà án ấn định dù đã được triệu tập hợp lệ, chứng tỏ ông Phán cũng không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ để xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng ông Đinh Duy P và bà Bùi Thị Y đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Y xử cho bà được ly hôn ông Đinh Duy P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung : Bà Bùi Thị Y và ông Đinh Duy P có 03 con chung. Con lớn nhất là chị Đinh Thị Pg, sinh ngày 27/10/1993. Hiện nay chị P đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng; con thứ 2 là cháu Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 28/02/2006; con thứ 3 là cháu Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 01/02/2009. Kể từ khi ly thân đến nay, hai cháu

bé đang ở với bà Y. Do ông P sức khỏe yếu, công việc lại không ổn định, không có thu nhập, trong khi bà Y có công việc ổn định, có thu nhập trung bình khoảng 7.200.000 đồng/01 tháng, ông P cũng đồng ý để bà Y được tiếp tục nuôi dưỡng hai con nhỏ. Đồng thời hai cháu nhỏ đã được bà Y nuôi dưỡng, chăm sóc rất tốt, ổn định từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu nhỏ cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ đẻ khi bố mẹ ly hôn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà , giao hai cháu Đinh Thị Ngọc L và Đinh Thị Ngọc L cho bà Y tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do bà Y không yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận, không buộc ông P phải đóng góp tiền nuôi con chung là thỏa đáng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung nên vấn đề này Tòa án không xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đ□ơng sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho bà Bùi Thị Y được ly hôn vắng mặt ông Đinh Duy P.

2. Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 28/02/2006; và Đinh Thị Ngọc L, sinh ngày 01/02/2009 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, ông P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/04068, ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc